

Số: 1334/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021 - 2026;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tại tờ trình số 4357/TTr-BNG-UBNV ngày 31 tháng 8 năm 2023 và văn bản số 53553/BNG-UBNV ngày 23 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới” (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung chính sau đây:

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài (gọi tắt là NVNONN), trong đó có tranh thủ, huy động nguồn lực, là một bộ phận có tính chiến lược trong công tác đại đoàn kết dân tộc và đóng góp trực tiếp vào mục tiêu đại đoàn kết dân tộc.

- Bám sát chủ trương tranh thủ tối đa nguồn lực NVNONN tham gia đóng góp phục vụ phát triển đất nước, phù hợp với ưu tiên, định hướng phát triển đất nước nêu tại văn kiện Đại hội Đảng XIII, Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004, Chỉ thị 45-CT/TW ngày 19 tháng 5 năm 2015, Kết luận 12-KL/TW

ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ. Xác định nguồn lực kiều bào là một nguồn lực có ý nghĩa quan trọng trong tổng thể các nguồn lực từ bên ngoài, cần được tranh thủ để phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để phục vụ các mục tiêu chiến lược phát triển đất nước từ nay đến 2030, tầm nhìn 2045, cần phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng, lấy lòng yêu nước là mẫu số chung.

- Các chủ trương, chính sách, biện pháp về tranh thủ nguồn lực của NVNONN được triển khai nhất quán, thông suốt, toàn diện từ Trung ương đến địa phương.

- Phát huy nguồn lực của NVNONN phải gắn liền với quan điểm của Đảng, Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi, quan tâm, chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của NVNONN. Các chính sách, biện pháp thu hút nguồn lực chủ yếu dựa trên yếu tố gắn kết lợi ích, ý thức hướng về cội nguồn, lòng yêu nước, khuyến khích đóng góp mang tính tự nguyện của cộng đồng.

2. Phương châm

- Việc thu hút nguồn lực NVNONN dựa trên tiềm năng, năng lực, tính khả thi của nguồn lực, đồng thời đặt trong tổng thể chính sách Đại đoàn kết dân tộc, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đóng góp vào việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và các nước, góp phần hỗ trợ kiều bào sinh sống ổn định, tiếp tục đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển của đất nước.

- Kế thừa các chủ trương, chính sách do Chính phủ, bộ, ngành, địa phương đã ban hành hoặc đang triển khai có yếu tố về người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xác định vấn đề cần sửa đổi (nếu có) hoặc ban hành mới chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho kiều bào về thăm quê hương, thân nhân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học - công nghệ, hoạt động văn hóa - nghệ thuật, từ thiện, xã hội, du học sinh, lao động trở về lập nghiệp...

- Các chính sách, quy định, biện pháp nhằm phát huy nguồn lực của NVNONN cần mạnh dạn, có đột phá, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của đông đảo NVNONN.

- Kết hợp hài hòa giữa công tác thu hút với công tác bồi dưỡng, hỗ trợ, phát triển nguồn lực NVNONN vì mục tiêu lâu dài.

- Trong khi tranh thủ nguồn lực kiều bào, tiếp tục tăng cường cảnh giác, kiên quyết đấu tranh đối với các âm mưu và hành động khống chế cộng đồng, lợi dụng cộng đồng để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đảm bảo hài hòa giữa ban hành chính sách ưu đãi để thu hút, vận động cộng đồng và việc rà soát, siết chặt công tác quản lý, tránh lỗ hổng về pháp lý để đối tượng xấu lợi dụng.

- Các bộ, ngành, địa phương, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, chủ động trong công tác thu hút nguồn lực cụ thể.

- Dành kinh phí phù hợp, thoả đáng cho công tác thu hút nguồn lực NVNONN, hài hòa giữa kinh phí thực hiện ở Việt Nam và tại nước ngoài.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Huy động nguồn lực NVNONN tham gia phát triển đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn với mục tiêu phát triển của Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 như Đại hội Đảng lần XIII đã đề ra; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong và ngoài nước; củng cố sức mạnh, tiềm năng của cộng đồng NVNONN đóng góp cho đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường thống nhất nhận thức NVNONN là nguồn lực ngày càng quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, từ đó xây dựng các định hướng, chủ trương, biện pháp mang tính tổng thể, cơ bản, lâu dài nhằm thu hút và phát huy tối đa nguồn lực này. Các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch về thu hút nguồn lực của NVNONN. Thiết lập cơ chế triển khai, phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở và trên phạm vi toàn quốc, trong và ngoài nước.

- Tạo môi trường, cơ chế trong nước để NVNONN yên tâm gắn bó, phát huy nguồn lực của mình với đất nước. Xây dựng hành lang pháp lý để NVNONN cơ bản được hưởng môi trường pháp lý tương đương với người trong nước khi tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, nhân đạo...

- Tạo khuôn khổ, cơ chế bền vững khuyến khích NVNONN tham gia phát triển đất nước trên các lĩnh vực phù hợp với nguồn lực của cộng đồng. Duy trì đà tăng trưởng của kiều hối; thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư FDI của NVNONN; đẩy mạnh phát huy hiệu quả nguồn lực của trí thức NVNONN; thúc đẩy chuyển giao tri thức và kỹ năng; thu hút và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động, du học sinh trở về; triển khai hiệu quả các sáng kiến, đóng góp từ thiện, nhân đạo, xã hội của các cá nhân, tổ chức NVNONN tại Việt Nam; phát huy vai trò cầu nối của NVNONN trên các lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế - thương mại, văn hoá, xã hội...



- Củng cố mạng lưới NVNONN trên toàn thế giới. Hoàn thành xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài. Phấn đấu 100% các địa bàn có đông cộng đồng NVNONN thành lập được các hội, đoàn.

- Hỗ trợ cộng đồng NVNONN phát triển, có vị thế ở sở tại; tăng cường sự gắn kết, giao lưu trong nước giữa NVNONN với các tổ chức nhân dân, hội đoàn trong nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, thông tin, trao đổi với NVNONN, quản lý lao động, du học sinh Việt Nam ở nước ngoài.

4. Giải pháp

a) Nhóm 1: Giải pháp chung về nâng cao nhận thức, chính sách, tổ chức và cơ chế phối hợp

- Thống nhất và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác thu hút nguồn lực của NVNONN phục vụ phát triển.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, pháp luật tạo điều kiện cho NVNONN yên tâm quay trở về đất nước đầu tư, kinh doanh.

- Các bộ, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng chính sách, đề án, chương trình cụ thể về việc thu hút nguồn lực của NVNONN.

- Xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương về triển khai thu hút, phát huy nguồn lực NVNONN.

- Đẩy mạnh triển khai các biện pháp củng cố khối Đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới.

b) Nhóm 2: Giải pháp riêng đối với từng đối tượng, loại nguồn lực

- Thu hút chuyên gia, trí thức, nhân tài NVNONN và lao động người Việt trở về nước.

- Cải thiện môi trường đầu tư, duy trì đà tăng kiêu hồi hàng năm, hỗ trợ NVNONN quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm Việt Nam tại các thị trường ngoài nước.

- Có các chính sách, biện pháp cụ thể phát huy nguồn lực “mềm” của cộng đồng NVNONN.

c) Nhóm 3: Giải pháp bồi dưỡng, phát triển cộng đồng NVNONN ở sở tại

- Thúc đẩy hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và chính quyền các nước có người Việt Nam sinh sống để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của NVNONN.



- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan chức năng của Việt Nam và sở tại để hỗ trợ cộng đồng NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định, phát triển và hội nhập vào sở tại. Tạo điều kiện để cộng đồng có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với chính quyền sở tại, nhất là tại các sự kiện do Cơ quan đại diện tổ chức.

- Củng cố, phát triển các hội đoàn chuyên gia, trí thức, doanh nhân NVNONN làm nòng cốt, dẫn dắt sự phát triển của cộng đồng ở sở tại. Thu hút nhóm NVNONN đã thành đạt ở sở tại tham gia trợ giúp nhóm còn yếu thế.

- Đẩy mạnh công tác dạy tiếng Việt, truyền thụ bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của Việt Nam cho các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam ở nước ngoài, gắn kết thế hệ trẻ NVNONN với trong nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Bộ Ngoại giao:

a) Là đầu mối theo dõi, điều phối, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ và vận động cộng đồng, phát hiện nhân tố mới, thúc đẩy kết nối, hỗ trợ hình thành, củng cố và phát triển các hội đoàn, mạng lưới trí thức, doanh nhân tích cực đóng góp cho sự phát triển của đất nước; tăng cường vận động chính quyền, cơ quan tổ chức các nước đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi để tăng vị thế của cộng đồng, các tổ chức hội đoàn của người Việt ở sở tại.

- Tăng cường nghiên cứu, tổng hợp thông tin về tình hình các nguồn lực NVNONN; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân trong việc kết nối, thu hút các nguồn lực của NVNONN; phối hợp với các địa phương trong việc tổ chức chương trình Xuân Quê hương, Trại hè thanh thiếu niên, Khóa tập huấn, bồi dưỡng tiếng Việt, các hội nghị hội thảo, hoạt động từ thiện... hàng năm.

- Tổ chức các hoạt động nhằm cập nhật thông tin về tình hình đất nước, chính sách pháp luật đối với NVNONN, kết hợp lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của NVNONN; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách, pháp luật nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để NVNONN về nước sinh sống, làm việc, đầu tư, sản xuất, kinh doanh...

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài, giai đoạn 2020 - 2024”, Đề án “Ngày Tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng NVNONN giai đoạn 2023 - 2030”.

- Xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu về NVNONN trình Thủ tướng Chính phủ.
- Kiến nghị hình thức, biện pháp khen thưởng xứng đáng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiêu biểu ở trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong đóng góp nguồn lực, thu hút nguồn lực NVNONN phục vụ phát triển đất nước.
- Phát hiện, vận động và bổ nhiệm các cá nhân NVNONN có uy tín và quan hệ tốt với sở tại làm Lãnh sự danh dự của Việt Nam ở các nước.
- Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức công tác NVNONN, tập trung vào công tác vận động cộng đồng và thu hút nguồn lực NVNONN.
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Đề án của cơ quan, tổ chức, địa phương; tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án vào năm 2027 và tổng kết vào năm 2031.

2. Bộ Công an:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu phương án cấp thẻ cư trú (hoặc hình thức phù hợp khác) dành cho NVNONN có khả năng tích hợp và thay thế các loại giấy tờ hiện hành như Giấy miễn thị thực, Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam, Giấy phép lao động...; đề xuất giải pháp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú, nhằm đảm bảo quyền lợi và phát huy tiềm năng của NVNONN phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất lãnh đạo Đảng, Nhà nước xây dựng, ban hành và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng NVNONN cư trú, sinh sống hợp pháp tại địa bàn, cũng như về nước thăm thân, đầu tư kinh doanh....
- Thông qua hợp tác quốc tế trên lĩnh vực an ninh, trật tự, phối hợp với cơ quan thực thi pháp luật các nước triển khai công tác bảo hộ công dân NVNONN, giải quyết những vấn đề phức tạp, vướng mắc liên quan đến vấn đề pháp lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến NVNONN, hỗ trợ đảm bảo an ninh cộng đồng.
- Phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo NVNONN tham gia các hoạt động chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động lưu vong.

3. Bộ Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan đề xuất các phương án giải quyết các tồn tại, vướng mắc về quốc tịch của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Vận hành và phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong nước, trong đó

tăng cường thông tin về cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; tích cực vận động, thu hút NVNONN về nước đầu tư.

5. Bộ Công Thương:

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao triển khai Đề án “Huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài, giai đoạn 2020 - 2024” tại Quyết định số 1797/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ.

- Ban hành cơ chế khuyến khích NVNONN trao đổi, cung cấp thông tin về thị trường, thị thiếu, tiêu chuẩn chất lượng của người tiêu dùng ở sở tại, phát huy vai trò cầu nối thương mại.

- Phát triển các kênh thông tin điện tử để tăng cường kết nối doanh nhân Việt Nam trong và ngoài nước.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông: Tăng cường tuyên truyền về các chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động NVNONN hướng về Tổ quốc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; phối hợp với các bộ ngành địa phương giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch liên quan đến công tác đối với NVNONN.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Rà soát, xây dựng mới chính sách hỗ trợ người Việt ra nước ngoài lao động, làm việc; dành ưu đãi tín dụng cho lao động chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài.

- Nghiên cứu đơn giản hoá thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép lao động cho NVNONN, xem xét khả năng miễn giấy phép lao động đối với đối tượng NVNONN có trình độ chuyên môn cao khi về nước để nghiên cứu, giảng dạy, hợp tác khoa học công nghệ.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu khả năng thành lập hoặc hỗ trợ cộng đồng NVNONN thành lập Trung tâm Văn hoá - Giáo dục Việt Nam ở nước ngoài; phối hợp với Bộ Ngoại giao triển khai Đề án “Năm Du lịch kiều bào”.

- Phát hiện, vận động và bổ nhiệm các cá nhân NVNONN tiêu biểu làm Đại sứ Du lịch Việt Nam; phát hiện, thu hút các vận động viên, chuyên gia, huấn luyện viên NVNONN xuất sắc về nước tham gia giao lưu, thi đấu, huấn luyện.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ: Tiếp tục triển khai việc thu hút và phát huy có hiệu quả nguồn lực tri thức, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là NVNONN.



10. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Theo dõi, hỗ trợ du học sinh Việt Nam ở nước ngoài có thành tích học tập, hoạt động xã hội tốt để hướng tới hoạt động nghiên cứu và hoạt động xã hội có lợi cho đất nước.

- Nghiên cứu chế độ đãi ngộ đặc biệt phù hợp và các biện pháp vận động, thu hút các nhà khoa học, chuyên gia giỏi ở nước ngoài hợp tác giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước.

- Nghiên cứu tổ chức các chương trình cấp học bổng cho NVNONN sinh ra và lớn lên ở nước ngoài về nước học tiếng Việt, nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Phối hợp đánh giá, nắm bắt và kiến nghị biện pháp thu hút kiều hối:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định cần thiết tạo thuận lợi để kiều hối chuyển về Việt Nam theo hướng ngày càng nhanh, an toàn, chi phí hợp lý, thông qua các kênh chính thống.

- Thúc đẩy các ngân hàng thương mại cung cấp các thông tin về các sản phẩm, dịch vụ tài chính của ngân hàng đến cộng đồng NVNONN.

12. Bộ Tài chính: trên cơ sở đề nghị của các bộ, ngành được giao thực hiện Đề án, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách hiện hành.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 36 ngày 26 tháng 3 năm 2004, Chỉ thị 45 ngày 19 tháng 5 năm 2015, Kết luận 12 ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 169 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ đến các cấp ngành địa phương, đơn vị, tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác về NVNONN.

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Đề án theo thẩm quyền, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế, chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án riêng hoặc lồng ghép nội dung thu hút nguồn lực NVNONN vào các chương trình, đề án, chính sách, biện pháp phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ của địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương phù hợp với quy định của Trung ương. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và triển khai đồng bộ các chính sách liên quan đến NVNONN. Ban hành hướng dẫn về chế độ, chính sách về nhà ở, dành ưu đãi với NVNONN có trình độ chuyên môn cao làm việc tại địa phương.



- Thường xuyên cung cấp cho Bộ Ngoại giao danh mục các dự án mà địa phương ưu tiên thu hút để giới thiệu tới NVNONN. Chủ động đề xuất các hội đoàn NVNONN tham gia trực tiếp hoặc giúp kết nối với chuyên gia nước ngoài để tư vấn cho yêu cầu nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu mà trong nước chưa đáp ứng được.

- Chủ động tổ chức hoạt động tập hợp, kết nối NVNONN với địa phương; hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch. Phối hợp với Bộ Ngoại giao mở rộng, phát huy vai trò của mạng lưới các hội thân nhân, hội đồng hương NVNONN của địa phương tại các địa bàn có đông NVNONN sinh sống.

- Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn lao động và chuyên gia của địa phương đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với định hướng và thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động tại địa phương trước khi ra nước ngoài làm việc; đối với giáo viên học sinh, giữ liên lạc thường xuyên với cơ sở đào tạo để nắm bắt kịp thời tình hình học tập và sinh hoạt, vận động sau khi tốt nghiệp trở về địa phương công tác.

- Chủ động xây dựng dữ liệu, mạng lưới kết nối với cộng đồng NVNONN có quê gốc tại địa phương.

- Giao đầu mối theo dõi công tác thu hút nguồn lực của địa phương; phối hợp với Bộ Ngoại giao, các cơ quan, địa phương liên quan trong việc tiếp nhận, kịp thời phản hồi các ý kiến đóng góp cũng như giải quyết các khó khăn, vướng mắc của NVNONN khi thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khoa học công nghệ tại Việt Nam.

- Phát huy nguồn lực của khu vực tư nhân trong việc hỗ trợ và phát triển cộng đồng, thu hút nguồn lực NVNONN tại địa phương.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn lực của NVNONN góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

14. Các cơ quan khác: đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Kinh tế trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các cơ quan và tổ chức liên quan phối hợp, hỗ trợ thực hiện Đề án; nghiên cứu lồng ghép các phương châm, mục tiêu, giải pháp của Đề án vào nội dung, chương trình làm việc của các cơ quan.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; huy động từ nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào nhiệm vụ, giải pháp của Đề án này, các cơ quan liên quan lập dự toán nhu cầu kinh phí hằng năm hoặc xây dựng các đề án, chương trình riêng để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

- Các ban, bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện Đề án kết hợp trong báo cáo công tác hàng năm, gửi về Bộ Ngoại giao tổng hợp.

- Bộ Ngoại giao tổ chức hội nghị sơ kết 05 năm triển khai và hội nghị tổng kết thực hiện Đề án giai đoạn 2024 - 2031.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHQT (2). HM₃₀

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang